

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-02-2021

V/v ly hôn giữa anh T và chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- *THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

Ông Triệu Văn Giản

- *Thư ký phiên toà:* Ông Vũ Văn Trường - Thư ký Toà án nhân dân tHnh phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân tHnh phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 489/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-12-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19-01-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1979; Đăng ký hộ khẩu: Số nH 44/117 đường P, phường T, TP. N, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu: Số nH 44/117 đường P, phường T, TP. N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 16-10-2020 trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thúy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 04-4-2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hòa hợp nên vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt. Tuy nhiên, anh đã cố gắng

khắc phục rồi cuộc sống cũng tạm ổn. Mấy năm gần đây, chị H không tu chí làm ăn, mãi chơi và cờ bạc dẫn đến nợ nần, thường xuyên phải trốn nợ. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và không có biện pháp khắc phục. Hiện nay, chị H đã chuyển đi nơi khác sống, không có trách nhiệm gì đến gia đình và con. Vợ chồng anh chị sống ly thân, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 16-01-2007 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 18-5-2009. Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai vào ngày 04-11-2020 bị đơn chị Trần Thị Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Về việc đăng ký kết hôn quan điểm của chị H trình bày thống nhất với anh T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế, chị đã đi vay nợ để cho vay lại nhưng bị mất nên số nợ chị phải gánh trả dần. Sự việc xảy ra anh T và gia đình đã hắt hủi và đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5-2020 cho đến nay. Quan điểm của chị không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 16-01-2007 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 18-5-2009. Chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Nguyễn Anh V, anh T trực tiếp nuôi con Nguyễn Anh D. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của hai con chung: Nguyễn Anh Dũng, sinh ngày 16-01-2007 và Nguyễn Anh Việt, sinh ngày 18-5-2009 đều có nguyện vọng được ở với bố.

Tại biên bản làm việc tại địa phương đã xác nhận tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do chị H vay nợ bên ngoài không có khả năng trả nợ. Vợ chồng anh chị hiện đang sống ly thân, chị H đã không còn sống chung cùng anh T và các con. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn dẫn tới cuộc sống chung của anh chị không còn trên thực tế. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Trần Thị Thúy H. Về con chung: Căn cứ nguyện vọng về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của anh T và chị H. Đồng thời, xét nguyện vọng của con chung nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị giao hai con chung là Nguyễn Anh Dũng, sinh ngày 16-01-2007 và Nguyễn Anh Việt, sinh ngày 18-5-2009 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T là nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đức T là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Trần Thị Thúy H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Trần Thị Thúy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 04-4-2005 nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của anh T và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chị H vay nợ và không có khả năng trả nợ. Vợ chồng không chia sẻ và không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Hiện tại, vợ chồng anh chị đang sống ly thân, cuộc sống chung không còn trên thực tế. Nay anh T xác định không còn tình cảm với chị H và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị H có nguyện vọng đoàn tụ nhưng Tòa án triệu tập hòa giải mâu thuẫn vợ chồng chị H vắng mặt chứng tỏ chị H không còn có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa anh T và chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Anh Dũng, sinh ngày 16-01-2007 và Nguyễn Anh Việt, sinh ngày 18-5-2009. Xét nguyện vọng của anh Nguyễn Đức T và chị Trần Thị Thúy H về việc nuôi con và quan điểm của các con chung. Hiện nay, chị H không có chỗ ở ổn định và cũng không chứng

minh được khả năng kinh tế nên để ổn định cuộc sống cho trẻ em khi bố mẹ ly hôn Hội đồng xét xử giao hai con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh T và chị H xác nhận vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội anh Nguyễn Đức T là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Trần Thị Thúy H.

2. Về con chung: Giao hai con là Nguyễn Anh D, sinh ngày 16-01-2007 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 18-5-2009 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trần Thị Thúy H không phải cấp dưỡng nuôi chung.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Nguyễn Đức T đã nộp tại biên lai số 0003258 ngày 16-10-2020 tại Chi cục Thi Hành án dân sự tHnh phố Nam Định. Anh Nguyễn Đức T đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Đức T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Chị Trần Thị Thúy H có quyền làm đơn kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì anh Nguyễn Đức T và chị Trần Thị Thúy H có quyền thoả thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS TPN;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tống Thị Kim Phụng